

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 - 2024
V/v Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Phong.
- Ông Võ Tự Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số Y, khu vực C, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:**

Năm 2014, bà và ông Lê Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông T chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm, ông T thường hay ghen tuông vô cớ, bà có giải thích nhưng ông T không nghe còn đánh đập bà nhiều lần dẫn đến tình cảm không còn nên bà đã dọn ra ngoài sống riêng và ly thân từ đó đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Về con chung không có. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, bà Th nộp đơn khởi kiện nên quan hệ pháp luật được xác định là “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, bà Th cho rằng sau khi cưới bà và ông T sống chung với gia đình ông T, quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do ông T ghen tuông vô cớ và nhiều lần đánh đập bà. Do không thể tiếp tục chung sống với ông T nên bà đã dọn ra ngoài sống riêng, bà và ông T ly thân nhau từ tháng 9/2023 đến nay mâu thuẫn vẫn không giải quyết được. Do đó, bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Th và ông T không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, bà Th yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T, về phía ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng đã vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông T.

[3] Về con chung: bà Th cho rằng trong thời gian chung sống bà và ông T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Th cho rằng bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung. Do ông T vắng mặt nên chưa xác định được tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Th phải chịu số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 14, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Lê Văn T.

- Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004529 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế

